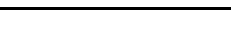
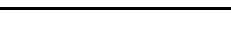


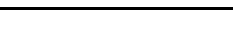
ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TRƯỜNG BÁCH KHOA

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2025

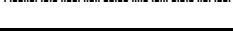
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
1	B2010227	Quách Thái Tôn	Cơ khí ô tô	
2	B2010348	Ngô Văn Bình	Cơ khí ô tô	
3	B2010414	Phạm Phú Quốc	Cơ khí ô tô	
4	B2010418	Trịnh Phước Tài	Cơ khí ô tô	
5	B1909738	Vương Thị Ngọc Trang	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
6	B2111736	Hoàng Ngô Cẩm Tú	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
7	B2111732	Nguyễn Ngọc Trân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
8	B2111725	Trương Thị Thanh Thảo	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
9	B2111724	Nguyễn Thị Như Thanh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
10	B2111714	Nguyễn Thị Tú Như	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
11	B2111709	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
12	B2111687	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
13	B2111686	Diệp Thanh Trúc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
14	B2111685	Võ Thị Diễm Trinh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
15	B2111684	Nguyễn Thị Huế Trân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
16	B2111683	Mai Ngọc Bảo Trân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
17	B2111676	Phạm Phương Thảo	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
18	B2111675	Nguyễn Tấn Tấn	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
19	B2111674	Phạm Phước Tài	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
20	B2111673	Phạm Minh Sang	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
21	B2111672	Lê Thị Ngọc Quỳnh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
22	B2111667	Nguyễn Thị Yến Oanh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
23	B2111664	Trần Thị Thảo Ngân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
24	B2111660	Lê Nguyễn Xuân Mai	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
25	B2111651	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
26	B2111650	Đặng Ngọc Hân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	

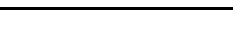
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
27	B2111646	Nguyễn Hoàng Minh Chiến	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
28	B2111644	Lưu Gia Bảo	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
29	B2105491	Lê Hà Vy	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
30	B2105483	Nguyễn Thị Quyền Trân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
31	B2105480	Nguyễn Thị Huyền Trang	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
32	B2105461	Đặng Hiếu Sáng	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
33	B2105456	Võ Hồng Nhung	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
34	B2105418	Phạm Quốc Anh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
35	B2105404	Lương Thị Huyền Trân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
36	B2105403	Đinh Thị Ngọc Trâm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
37	B2105396	Diệp Anh Thơ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
38	B2105364	Võ Tiên Lộc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
39	B2105347	Võ Phương Du	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
40	B2105343	Cao Đặng Hoàng Ân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
41	B2105340	Phan Thị Lan Anh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
42	B2014505	Đỗ Thành Nhân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
43	B2014487	Phan Thị Hạnh Khương	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
44	B2014475	Trần Gia Hân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
45	B2014453	Nguyễn Minh Triết	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
46	B2014438	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
47	B2014397	Nguyễn Thị Kim Hồng	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
48	B2014396	Lê Thị Ngọc Hiền	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
49	B2005618	Võ Quốc Thái	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
50	B2005581	Trần Thanh Kiệt	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
51	B2005569	Nguyễn Ngọc Hân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
52	B2005466	Lâm Thị Xuân Đào	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
53	B1706340	Nguyễn Duy Thuận	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
54	B2005577	Đoàn Thanh Khiêm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
55	B2005594	Huỳnh Thị Phúc Ngân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	

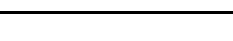
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
56	B2014457	Lê Ngọc Tường Vi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
57	B2014502	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
58	B2014507	Nguyễn Trần Yên Nhi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
59	B2105351	Phạm Trần Kiều Hạnh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
60	B2105415	Nguyễn Thị Như Ý	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
61	B2111653	Huỳnh Thị Bích Huyền	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
62	B2111656	Lê Việt Khái	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
63	B2111733	Trần Huyền Trân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
64	B1809013	Nguyễn Văn Đồ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
65	B1909721	Nguyễn Hoàng Phú Quý	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
66	B2005521	Nguyễn Anh Tài	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
67	B2005588	Phan Thị Cẩm Luyện	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
68	B2014391	Phan Gia Hạo	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
69	B2014423	Phan Văn Nhân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
70	B2014462	Lâm Chúc Anh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
71	B2014464	Lê Bảo	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
72	B2014522	Trần Thị Cẩm Thi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
73	B2101408	Đặng Bích Duyên	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
74	B2105338	Đinh Văn Phước An	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
75	B2105341	Phạm Huỳnh Anh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
76	B2105350	Nguyễn Tấn Đức	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
77	B2105359	Võ Như Khánh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
78	B2105360	Huỳnh Lê Kim Khuê	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
79	B2105367	Trần Nguyễn Xuân Mai	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
80	B2105397	Phùng Thái Phương Thùy	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
81	B2105407	Lê Thị Thủy Trúc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
82	B2105422	Phan Ngọc Chăm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
83	B2105426	Nguyễn Thị Kim Đào	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
84	B2105430	Ngô Gia Hân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	

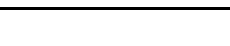
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
85	B2105431	Danh Hậu	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
86	B2105440	Nguyễn Lâm Trúc Linh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
87	B2105454	Trần Thị Yến Nhi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
88	B2105464	Nguyễn Thị Minh Tâm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
89	B2105469	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
90	B2105471	Phạm Trần Công Thiện	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
91	B2105488	Võ Thị Mộng Tuyền	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
92	B2111645	Trần Quang Bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
93	B2111648	Trần Thị Mỹ Duyên	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
94	B2111654	Lê Thị Diễm Hương	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
95	B2111657	Phạm Quốc Khánh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
96	B2111663	Nguy Thảo Ngân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
97	B2111665	Huỳnh Ngọc Tú Như	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
98	B2111666	Thạch Thị Ngọc Như	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
99	B2111670	Phạm Hồng Phúc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
100	B2111679	Huỳnh Anh Thư	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
101	B2111680	Huỳnh Lê Mai Thy	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
102	B2111692	Hồng Trường Ánh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
103	B2111694	Nguyễn Thúy Cầm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
104	B2111695	Dương Chí Diễn	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
105	B2111699	Lê Ngọc Hân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
106	B2111702	Bùi Quốc Hưng	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
107	B2111704	Nguyễn Duy Khanh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
108	B2111717	Dương Quốc Phú	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
109	B2111718	Đặng Hoàng Phúc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
110	B2111720	Trần Phương Quyên	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
111	B2111726	Nguyễn Chí Thiện	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
112	B2111727	Phan Như Thuật	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
113	B2111730	Nguyễn Thị Thùy Trang	Công nghệ kỹ thuật hóa học	

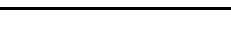
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
114	B2111735	Ngô Hoàng Tuấn	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
115	B2111737	Lý Quốc Vinh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
116	B2111738	Đỗ Thanh Xuân	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
117	B2111739	Huỳnh Mộng Như Ý	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
118	B2014548	Phạm Trúc Vy	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
119	B2005620	Nguyễn Thị Hoa Thi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
120	B2005650	Nguyễn Ngọc Khả Hân	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
121	B2014546	Đỗ Nguyễn Hồng Trâm	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
122	B1609363	Tè Quốc Vĩnh	Kỹ thuật cơ - điện tử	
123	B1709005	Phan Huy Hoàng	Kỹ thuật cơ - điện tử	
124	B2110308	Huỳnh Minh Nhựt	Kỹ thuật cơ điện tử	
125	B2110305	Phạm Văn Luân	Kỹ thuật cơ điện tử	
126	B2110300	Nguyễn Quốc Huy	Kỹ thuật cơ điện tử	
127	B2110299	Hồng Quốc Huy	Kỹ thuật cơ điện tử	
128	B2110296	Nguyễn Tấn Dũng	Kỹ thuật cơ điện tử	
129	B2110287	Ngô Chí Thịnh	Kỹ thuật cơ điện tử	
130	B2103980	Nguyễn Minh Nhật	Kỹ thuật cơ điện tử	
131	B2103971	Huỳnh Văn Khánh	Kỹ thuật cơ điện tử	
132	B2103966	Ung Thái Hoà	Kỹ thuật cơ điện tử	
133	B2103965	Võ Hoài Trường Giang	Kỹ thuật cơ điện tử	
134	B2103959	Nguyễn Minh Chất	Kỹ thuật cơ điện tử	
135	B2103949	Lê Đức Thịnh	Kỹ thuật cơ điện tử	
136	B2103915	Võ Nguyên Bảo	Kỹ thuật cơ điện tử	
137	B2012502	Nguyễn Trần Đức Huy	Kỹ thuật cơ điện tử	
138	B2012508	Lưu Chí Khanh	Kỹ thuật cơ điện tử	
139	B2012501	Dương Lê Thái Huy	Kỹ thuật cơ điện tử	
140	B2012450	Nguyễn Trung Nguyên	Kỹ thuật cơ điện tử	

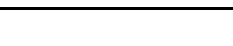
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
141	B2012427	Nguyễn Hoài Trường Giang	Kỹ thuật cơ điện tử	
142	B2012520	Huỳnh Thanh Nhân	Kỹ thuật cơ điện tử	
143	B2012516	Nguyễn Nhật Minh	Kỹ thuật cơ điện tử	
144	B2012498	Lê Anh Hào	Kỹ thuật cơ điện tử	
145	B2012477	Lê Thành Trung	Kỹ thuật cơ điện tử	
146	B2012464	Võ Nguyễn Phước Minh Tân	Kỹ thuật cơ điện tử	
147	B2012461	Trần Quốc Sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
148	B2012453	Lê Phú Nhuận	Kỹ thuật cơ điện tử	
149	B2012411	Lê Quốc An	Kỹ thuật cơ điện tử	
150	B2012549	Đặng Phương Vinh	Kỹ thuật cơ điện tử	
151	B2012542	Nguyễn Hoàng Tiến	Kỹ thuật cơ điện tử	
152	B2012531	Đồng Tâm	Kỹ thuật cơ điện tử	
153	B1907024	Nguyễn Minh Khánh	Kỹ thuật cơ điện tử	
154	B1806279	Dương Trung Nhân	Kỹ thuật cơ điện tử	
155	B1806294	Nguyễn Vũ Duy Tân	Kỹ thuật cơ điện tử	
156	B1907185	Trần Minh Tấn	Kỹ thuật cơ điện tử	
157	B2004127	Trương Huỳnh Đức	Kỹ thuật cơ điện tử	
158	B2012460	Ca Hoàng Sang	Kỹ thuật cơ điện tử	
159	B2012463	Nguyễn Văn Duy Tân	Kỹ thuật cơ điện tử	
160	B2012487	Nguyễn Công Danh	Kỹ thuật cơ điện tử	
161	B2012525	Trần Minh Phúc	Kỹ thuật cơ điện tử	
162	B2103918	Nguyễn Trần Nhật Duy	Kỹ thuật cơ điện tử	
163	B2103919	Nguyễn Hoàng Dũng	Kỹ thuật cơ điện tử	
164	B2103920	Lê Thành Đạt	Kỹ thuật cơ điện tử	
165	B2103927	Võ Gia Huy	Kỹ thuật cơ điện tử	
166	B2103931	Nguyễn Quốc Khởi	Kỹ thuật cơ điện tử	
167	B2103932	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Kỹ thuật cơ điện tử	
168	B2103942	Nguyễn Thanh Phong	Kỹ thuật cơ điện tử	

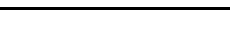
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
169	B2103948	Huỳnh Thanh Thám	Kỹ thuật cơ điện tử	
170	B2103951	Đặng Hoài Thương	Kỹ thuật cơ điện tử	
171	B2103967	Diệp Phát Huy	Kỹ thuật cơ điện tử	
172	B2103969	Nguyễn Đan Huy	Kỹ thuật cơ điện tử	
173	B2103973	Lâm Đăng Khôi	Kỹ thuật cơ điện tử	
174	B2103979	Huỳnh Trọng Nhân	Kỹ thuật cơ điện tử	
175	B2110267	Dương Phú An	Kỹ thuật cơ điện tử	
176	B2110268	Nguyễn Mạnh Ba	Kỹ thuật cơ điện tử	
177	B2110275	Nguyễn Minh Khai	Kỹ thuật cơ điện tử	
178	B2110277	Bùi Hoàng Khâm	Kỹ thuật cơ điện tử	
179	B2110278	Nguyễn Văn Lâm	Kỹ thuật cơ điện tử	
180	B2110283	Lê Minh Nhựt	Kỹ thuật cơ điện tử	
181	B2110295	Lê Thành Anh Duy	Kỹ thuật cơ điện tử	
182	B2110301	Đoàn Minh Khánh	Kỹ thuật cơ điện tử	
183	B2110303	Lê Tấn Kiệt	Kỹ thuật cơ điện tử	
184	B2110306	Nguyễn Quang Minh	Kỹ thuật cơ điện tử	
185	B2110307	Nguyễn Hoài Nam	Kỹ thuật cơ điện tử	
186	B2110309	Võ Minh Quang	Kỹ thuật cơ điện tử	
187	B2110311	Nguyễn Hữu Thắng	Kỹ thuật cơ điện tử	
188	B2110313	Thái Đức Thịnh	Kỹ thuật cơ điện tử	
189	B2110316	Nguyễn Ngọc Tính	Kỹ thuật cơ điện tử	
190	B2110317	Nguyễn Hoàng Vân	Kỹ thuật cơ điện tử	
191	B2010216	Châu Ngọc Thạch	Kỹ thuật cơ khí	
192	B2109001	Lê Phúc Thịnh	Kỹ thuật cơ khí	
193	B2108989	Bùi Văn Nghiêm	Kỹ thuật cơ khí	
194	B2108985	Lâm Anh Kiệt	Kỹ thuật cơ khí	
195	B2108981	Trần Kha	Kỹ thuật cơ khí	
196	B2108976	Nguyễn Thành Đô	Kỹ thuật cơ khí	
197	B2108960	Nguyễn Việt Tiễn	Kỹ thuật cơ khí	

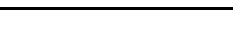
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
198	B2108947	Nguyễn Trọng Nguyễn	Kỹ thuật cơ khí	
199	B2108944	Từ Bửu Lộc	Kỹ thuật cơ khí	
200	B2108937	Bùi Thanh Kha	Kỹ thuật cơ khí	
201	B2101942	Nguyễn Phúc Thịnh	Kỹ thuật cơ khí	
202	B2101925	Phạm Nguyễn Quốc Huy	Kỹ thuật cơ khí	
203	B2101895	Phạm Khải Nguyên	Kỹ thuật cơ khí	
204	B2101883	Nguyễn Minh Đăng	Kỹ thuật cơ khí	
205	B2101882	Nguyễn Chí Đại	Kỹ thuật cơ khí	
206	B2010305	Nguyễn Anh Phúc	Kỹ thuật cơ khí	
207	B2010303	Lê Xuân Phú	Kỹ thuật cơ khí	
208	B2010262	Tạ Anh Hào	Kỹ thuật cơ khí	
209	B1603389	Nguyễn Thành Đạt	Kỹ thuật cơ khí	
210	B2010438	Phạm Hữu Trí	Kỹ thuật cơ khí	
211	B2010432	Lê Phước Tiến	Kỹ thuật cơ khí	
212	B2010378	Phạm Hoàng Khang	Kỹ thuật cơ khí	
213	B2010286	Mã Thái Hoàng Long	Kỹ thuật cơ khí	
214	B2010155	Cao Chánh Hào	Kỹ thuật cơ khí	
215	B2002253	Trần Trung Hậu	Kỹ thuật cơ khí	
216	B2000081	Phạm Quốc Huy	Kỹ thuật cơ khí	
217	B1903723	Nguyễn Hoàng Tân	Kỹ thuật cơ khí	
218	B1903437	Nguyễn Trương Khang	Kỹ thuật cơ khí	
219	B2108964	Nguyễn Hoàng Vinh	Kỹ thuật cơ khí	
220	B2108961	Lê Minh Toàn	Kỹ thuật cơ khí	
221	B2108956	Trần Quang Thái	Kỹ thuật cơ khí	
222	B2108953	Huỳnh Phước Sang	Kỹ thuật cơ khí	
223	B2108945	Nguyễn Kim Ngân	Kỹ thuật cơ khí	
224	B2108925	Trần Văn Bảo Châu	Kỹ thuật cơ khí	
225	B2108924	Nguyễn Quốc Biển	Kỹ thuật cơ khí	
226	B2107061	Trần Gia Bảo	Kỹ thuật cơ khí	

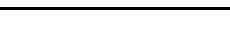
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
227	B2101865	Nguyễn Minh Tân	Kỹ thuật cơ khí	
228	B2101862	Trần Thanh Phú	Kỹ thuật cơ khí	
229	B2109049	Trịnh Quốc Toàn	Kỹ thuật cơ khí	
230	B2109042	Phan Nhựt Tân	Kỹ thuật cơ khí	
231	B2109033	Hồ Hữu Nghĩa	Kỹ thuật cơ khí	
232	B2101937	Lê Tiến Sỹ	Kỹ thuật cơ khí	
233	B2101933	Dương Tấn Nhó	Kỹ thuật cơ khí	
234	B2101922	Đinh Trung Hậu	Kỹ thuật cơ khí	
235	B2101920	Ký Hồng Đức	Kỹ thuật cơ khí	
236	B2010329	Nguyễn Phước Tín	Kỹ thuật cơ khí	
237	B2109007	Trần Thanh Tùng	Kỹ thuật cơ khí	
238	B2109005	Sử Duy Toàn	Kỹ thuật cơ khí	
239	B2109003	Hàng Mạnh Tiến	Kỹ thuật cơ khí	
240	B2109000	Lê Nguyễn Công Thành	Kỹ thuật cơ khí	
241	B2108999	Huỳnh Trần Vĩnh Thái	Kỹ thuật cơ khí	
242	B2108992	Phạm Hữu Nhân	Kỹ thuật cơ khí	
243	B2108990	Phạm Hoàng Nguyên	Kỹ thuật cơ khí	
244	B2108988	Hứa Tuệ Mẫn	Kỹ thuật cơ khí	
245	B2108982	Quách Khang	Kỹ thuật cơ khí	
246	B2108980	Hồng Khánh Huy	Kỹ thuật cơ khí	
247	B2108971	Lê Khánh Duy	Kỹ thuật cơ khí	
248	B2108968	Trần Chí Bình	Kỹ thuật cơ khí	
249	B2108965	Lâm Phú Việt Anh	Kỹ thuật cơ khí	
250	B2101908	Võ Văn Tín	Kỹ thuật cơ khí	
251	B2101897	Châu Minh Phát	Kỹ thuật cơ khí	
252	B2101896	Bùi Thị Yến Nhi	Kỹ thuật cơ khí	
253	B2101881	Hà Tấn Dư	Kỹ thuật cơ khí	
254	B2101880	Lê Khánh Duy	Kỹ thuật cơ khí	
255	B2101878	Huỳnh Văn Chệch	Kỹ thuật cơ khí	

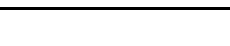
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
256	B1903508	Phạm Nhật Quang	Kỹ thuật cơ khí	
257	B2010209	Trương Minh Tại	Kỹ thuật cơ khí	
258	B2010197	Lâm Hòa Phong	Kỹ thuật cơ khí	
259	B2010191	Nguyễn Thanh Nhả	Kỹ thuật cơ khí	
260	B2010264	Nguyễn Quốc Hào	Kỹ thuật cơ khí	
261	B2010254	Cao Hồng Đắm	Kỹ thuật cơ khí	
262	B1903643	Võ Huỳnh Khánh	Kỹ thuật cơ khí	
263	B1903720	Hồ Thanh Tâm	Kỹ thuật cơ khí	
264	B2101947	Đinh Văn Trường	Kỹ thuật cơ khí	
265	B2108949	Trần Tấn Phát	Kỹ thuật cơ khí	
266	B2108984	Lý Kiên	Kỹ thuật cơ khí	
267	B2109023	Nguyễn Đoàn Trọng Hòa	Kỹ thuật cơ khí	
268	B1603292	Phạm Hữu Hào	Kỹ thuật cơ khí	
269	B1903590	Đặng Kiểm Dội	Kỹ thuật cơ khí	
270	B1603378	Lê Văn Chiến	Kỹ thuật cơ khí	
271	B1803497	Trần Văn Đủ	Kỹ thuật cơ khí	
272	B1903859	Phạm Nguyễn Duy Lợi	Kỹ thuật cơ khí	
273	B2002250	Nguyễn Lê Hoàng Đông	Kỹ thuật cơ khí	
274	B2002369	Nguyễn Chơn Hậu	Kỹ thuật cơ khí	
275	B2010272	Huỳnh Vi Khang	Kỹ thuật cơ khí	
276	B2010386	Võ Trung Kiên	Kỹ thuật cơ khí	
277	B2010423	Phạm Nguyễn Hồng Thanh	Kỹ thuật cơ khí	
278	B2100066	Trịnh Quốc Duy	Kỹ thuật cơ khí	
279	B2100067	Huỳnh Huỳnh Đức	Kỹ thuật cơ khí	
280	B2100068	Nguyễn Hoàng Huy	Kỹ thuật cơ khí	
281	B2100071	Huỳnh Trọng Phúc	Kỹ thuật cơ khí	
282	B2100073	Nguyễn Long Xuyên	Kỹ thuật cơ khí	
283	B2100076	Nguyễn Duy Khương	Kỹ thuật cơ khí	
284	B2100079	Phạm Đức Thiện	Kỹ thuật cơ khí	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
285	B2101840	Trương Quân Bảo	Kỹ thuật cơ khí	
286	B2101851	Nguyễn Quang Huy	Kỹ thuật cơ khí	
287	B2101859	Ký Thiện Nhân	Kỹ thuật cơ khí	
288	B2101864	Thạch Sơn Minh Tài	Kỹ thuật cơ khí	
289	B2101867	Phạm Minh Thắng	Kỹ thuật cơ khí	
290	B2101874	Nguyễn Thanh Trường	Kỹ thuật cơ khí	
291	B2101894	Đỗ Đại Lượng	Kỹ thuật cơ khí	
292	B2101904	Thạch Minh Thắng	Kỹ thuật cơ khí	
293	B2101906	Phạm Trần Thái Thịnh	Kỹ thuật cơ khí	
294	B2101911	Cao Minh Tú	Kỹ thuật cơ khí	
295	B2101914	Thái Hồng Cẩm	Kỹ thuật cơ khí	
296	B2101917	Nguyễn Trần Bá Duy	Kỹ thuật cơ khí	
297	B2101919	Phan Thành Đạt	Kỹ thuật cơ khí	
298	B2101923	Nguyễn Huy Hoàng	Kỹ thuật cơ khí	
299	B2101934	Quách Hữu Phát	Kỹ thuật cơ khí	
300	B2101943	Phạm Duy Thịnh	Kỹ thuật cơ khí	
301	B2101945	Lê Trung Tính	Kỹ thuật cơ khí	
302	B2101946	Phan Nguyễn Hữu Trọng	Kỹ thuật cơ khí	
303	B2101948	Nguyễn Hoàng Tỷ	Kỹ thuật cơ khí	
304	B2101949	Lâm Thái Vĩ	Kỹ thuật cơ khí	
305	B2108921	Trần Văn An	Kỹ thuật cơ khí	
306	B2108927	Đặng Hoàng Duy	Kỹ thuật cơ khí	
307	B2108930	Nguyễn Ngô Thành Đạt	Kỹ thuật cơ khí	
308	B2108931	Lê Hải Đăng	Kỹ thuật cơ khí	
309	B2108932	Võ Thanh Điền	Kỹ thuật cơ khí	
310	B2108936	Võ Thái Hòa	Kỹ thuật cơ khí	
311	B2108938	Nguyễn Hữu Khang	Kỹ thuật cơ khí	
312	B2108941	Trần Trung Kiên	Kỹ thuật cơ khí	
313	B2108946	Phạm Trọng Nghĩa	Kỹ thuật cơ khí	

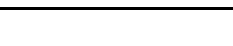
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
314	B2108950	Huỳnh Phong Phú	Kỹ thuật cơ khí	
315	B2108951	Nguyễn Trần Lợi Phúc	Kỹ thuật cơ khí	
316	B2108952	Diệp Trường Quang Quy	Kỹ thuật cơ khí	
317	B2108955	Phạm Chí Thanh	Kỹ thuật cơ khí	
318	B2108957	Phan Lạc Thiên	Kỹ thuật cơ khí	
319	B2108963	Nguyễn Quốc Trung	Kỹ thuật cơ khí	
320	B2108966	Châu Đình Gia Bảo	Kỹ thuật cơ khí	
321	B2108975	Phạm Minh Đăng	Kỹ thuật cơ khí	
322	B2108977	Nguyễn Thiện Đức	Kỹ thuật cơ khí	
323	B2108979	Nguyễn Duy Hong	Kỹ thuật cơ khí	
324	B2108986	Nguyễn Ngọc Long	Kỹ thuật cơ khí	
325	B2108991	Nguyễn Trần Chí Nguyên	Kỹ thuật cơ khí	
326	B2108994	Lâm Trọng Phúc	Kỹ thuật cơ khí	
327	B2108995	Lê Thanh Phương	Kỹ thuật cơ khí	
328	B2108996	Huỳnh Trọng Quý	Kỹ thuật cơ khí	
329	B2109002	Đỗ Quyền Thoi	Kỹ thuật cơ khí	
330	B2109011	Nguyễn Chí Bằng	Kỹ thuật cơ khí	
331	B2109012	Danh Vũ Ca	Kỹ thuật cơ khí	
332	B2109014	Lê Chí Cường	Kỹ thuật cơ khí	
333	B2109018	Trương Hữu Đạt	Kỹ thuật cơ khí	
334	B2109019	Nguyễn Minh Đăng	Kỹ thuật cơ khí	
335	B2109021	Nguyễn Phúc Hậu	Kỹ thuật cơ khí	
336	B2109027	Nguyễn Quang Khải	Kỹ thuật cơ khí	
337	B2109028	Phan Trung Kiên	Kỹ thuật cơ khí	
338	B2109030	Dương Tấn Lộc	Kỹ thuật cơ khí	
339	B2109032	Nguyễn Ngọc Minh	Kỹ thuật cơ khí	
340	B2109034	Trương Khôi Nguyên	Kỹ thuật cơ khí	
341	B2109035	Nguyễn Hoàng Nhả	Kỹ thuật cơ khí	
342	B2109036	Lê Minh Nhựt	Kỹ thuật cơ khí	

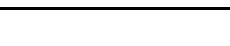
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
343	B2109037	Chau Sóc Phốp	Kỹ thuật cơ khí	
344	B2109038	Nguyễn Minh Phúc	Kỹ thuật cơ khí	
345	B2109039	Đoàn Văn Quý	Kỹ thuật cơ khí	
346	B2109044	Nguyễn Lê Quốc Thanh	Kỹ thuật cơ khí	
347	B2109045	Nguyễn Liêm Thịnh	Kỹ thuật cơ khí	
348	B2109046	Trang Minh Thông	Kỹ thuật cơ khí	
349	B2109047	Trần Đại Tiến	Kỹ thuật cơ khí	
350	B2109048	Phan Chí Tình	Kỹ thuật cơ khí	
351	B2109051	Nguyễn Quốc Việt	Kỹ thuật cơ khí	
352	B2109052	Nguyễn Như Ý	Kỹ thuật cơ khí	
353	B1606124	Nguyễn Nhật Anh	Kỹ thuật công trình thủy	
354	B1705831	Võ Hoàng Khang	Kỹ thuật công trình thủy	
355	B1705013	Tô Thanh Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	
356	B1705172	Trương Như Thuần	Kỹ thuật công trình xây dựng	
357	B2012795	Vương Quốc Anh	Kỹ thuật điện	
358	B2012775	Huỳnh Đức Thịnh	Kỹ thuật điện	
359	B2012774	Hồ Xuân Thiện	Kỹ thuật điện	
360	B2012702	Nguyễn Chí Bảo	Kỹ thuật điện	
361	B1907456	Trần Đức Hiên	Kỹ thuật điện	
362	B1907448	Chung Hoàng Giang	Kỹ thuật điện	
363	B1907614	Nguyễn Duy Khánh	Kỹ thuật điện	
364	B2012883	Dương Ngọc Tuấn	Kỹ thuật điện	
365	B2012881	Ngô Phú Trọng	Kỹ thuật điện	
366	B2012873	Từ Ngọc Thuận	Kỹ thuật điện	
367	B2012846	Hồ Thanh Phong	Kỹ thuật điện	
368	B2012832	Nguyễn Công Linh	Kỹ thuật điện	
369	B2012826	Nguyễn Minh Đăng Khoa	Kỹ thuật điện	
370	B2012821	Nguyễn Vĩ Khang	Kỹ thuật điện	
371	B2012819	Lương Mạnh Huỳnh	Kỹ thuật điện	

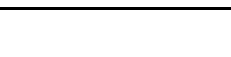
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
372	B2012807	Trần Anh Dũng	Kỹ thuật điện	
373	B2012802	Phạm Đình Chiêu	Kỹ thuật điện	
374	B2012786	Đặng Nhật Trường	Kỹ thuật điện	
375	B2012773	Lê Nhật Thiên	Kỹ thuật điện	
376	B2012769	Trần Duy Thái	Kỹ thuật điện	
377	B2012767	Nguyễn Hữu Tấn	Kỹ thuật điện	
378	B2012764	Đào Chí Tân	Kỹ thuật điện	
379	B2012757	Mai Nhật Quang	Kỹ thuật điện	
380	B2012732	Nguyễn Đặng Trọng Khôi	Kỹ thuật điện	
381	B2012707	Nguyễn Minh Chí	Kỹ thuật điện	
382	B2004351	Nguyễn Khánh Bằng	Kỹ thuật điện	
383	B2004336	Lâm Trung Sơn	Kỹ thuật điện	
384	B1907552	Trần Quang Triều	Kỹ thuật điện	
385	B1806844	Trần Trí Quang	Kỹ thuật điện	
386	B1806718	Mai Vũ Lung	Kỹ thuật điện	
387	B2104294	Nguyễn Khải Minh	Kỹ thuật điện	
388	B2104349	Nguyễn Quốc Vinh	Kỹ thuật điện	
389	B2107140	Lê Võ Hoàng Sơn	Kỹ thuật điện	
390	B2110481	Phạm Nhật Hào	Kỹ thuật điện	
391	B2110493	Đoàn Văn Ngoan	Kỹ thuật điện	
392	B2110511	Nguyễn Văn Dương Anh	Kỹ thuật điện	
393	B2110523	Lê Minh Kha	Kỹ thuật điện	
394	B2110542	Tăng Thành Tính	Kỹ thuật điện	
395	B1907495	Trương Hữu Ngà	Kỹ thuật điện	
396	B1907662	Nghiêm Hoàng Nhật Tâm	Kỹ thuật điện	
397	B2012717	Phạm Phước Đường	Kỹ thuật điện	
398	B2012752	Phan Thành Phú	Kỹ thuật điện	
399	B2012761	Võ Thanh Sơn	Kỹ thuật điện	
400	B2012830	Phan Hồ Tuấn Kiệt	Kỹ thuật điện	

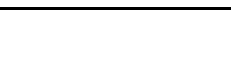
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
401	B2012845	Nguyễn Thành Phát	Kỹ thuật điện	
402	B2012882	Trần Xuân Trường	Kỹ thuật điện	
403	B2012887	Lâm Tấn Vinh	Kỹ thuật điện	
404	B2104307	Nguyễn Trí Toàn	Kỹ thuật điện	
405	B2104312	Nguyễn Trung Vinh	Kỹ thuật điện	
406	B2104318	Trần Lê Duy	Kỹ thuật điện	
407	B2104326	Phạm Công Huân	Kỹ thuật điện	
408	B2104330	Phan Văn Hoài Linh	Kỹ thuật điện	
409	B2104334	Lê Khánh Nhật	Kỹ thuật điện	
410	B2104342	Võ Đức Thịnh	Kỹ thuật điện	
411	B2104343	Nguyễn Kiến Thúc	Kỹ thuật điện	
412	B2110477	Nguyễn Phước Dư	Kỹ thuật điện	
413	B2110478	Nguyễn Trương Thành Đạt	Kỹ thuật điện	
414	B2110483	Nguyễn Thái Hòa	Kỹ thuật điện	
415	B2110485	Nguyễn Hoàng Khang	Kỹ thuật điện	
416	B2110487	Nguyễn Trần Đăng Khoa	Kỹ thuật điện	
417	B2110490	Nguyễn Thiên Lộc	Kỹ thuật điện	
418	B2110491	Trương Minh Mẫn	Kỹ thuật điện	
419	B2110492	Nguyễn Huỳnh Minh	Kỹ thuật điện	
420	B2110507	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật điện	
421	B2110512	Nguyễn Vũ Anh	Kỹ thuật điện	
422	B2110519	Thái Quang Trường Giang	Kỹ thuật điện	
423	B2110524	Văn Vĩ Khang	Kỹ thuật điện	
424	B2110526	Trần Trung Kiên	Kỹ thuật điện	
425	B2110528	Nguyễn Hoàng Lịnh	Kỹ thuật điện	
426	B2110529	Vũ Đức Lợi	Kỹ thuật điện	
427	B2110530	Đoàn Nhật Minh	Kỹ thuật điện	
428	B2110533	Nguyễn Phú Nguyên	Kỹ thuật điện	
429	B2110534	Trần Thanh Nhã	Kỹ thuật điện	

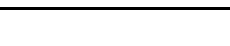
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
430	B2110535	Nguyễn Minh Nhựt	Kỹ thuật điện	
431	B2110536	Âu Hoàng Phúc	Kỹ thuật điện	
432	B2110537	Bùi Hiếu Tâm	Kỹ thuật điện	
433	B2110539	Trương Hoàng Thái	Kỹ thuật điện	
434	B2110545	Nguyễn Hoàng Trọng	Kỹ thuật điện	
435	B2110548	Kim Ngọc Vị	Kỹ thuật điện	
436	B2012942	Lê Nhựt Trường	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
437	B2012913	Nguyễn Đình Lực	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
438	B1807012	Nguyễn Hữu Tài	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
439	B2013046	Thùy Thị Hồng Yên	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
440	B2013041	Nguyễn Thành Tín	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
441	B2013035	Nguyễn Hữu Tân	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
442	B2104432	Nguyễn Vũ Xuân Mai	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
443	B2104429	Trần Thế Kiệt	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
444	B2012988	Thạch Ngọc Anh Thy	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
445	B2012978	Thái Trường Phát	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
446	B2012973	Bùi Hữu Nghĩa	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
447	B2004469	Đinh Trọng Tín	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
448	B2004447	Trần Thanh Nhã	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
449	B1907829	Nguyễn Thị Cát Tường	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
450	B1907784	Nguyễn Phước Đạt	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
451	B1907722	Trịnh Vũ Bằng	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
452	B1812747	Huỳnh Thanh Tú	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
453	B1907781	Nguyễn Hoàng Anh Duy	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
454	B2004437	Lê Việt Khoa	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
455	B2004529	Hà Tấn Thạnh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
456	B2104481	Trương Mỹ Hoa	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
457	B2110690	Cao Văn Thịnh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	

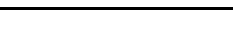
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
458	B1907800	Huỳnh Thị Ngọc Ngân	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
459	B1907825	Lương Ngọc Minh Trí	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
460	B2004423	Nguyễn Hải Đăng	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
461	B2004429	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
462	B2004432	Lê Quang Huy	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
463	B2004458	Nguyễn Minh Thái	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
464	B2004462	Cao Phú Thịnh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
465	B2004532	Đinh Gia Thịnh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
466	B2012955	Nguyễn Hoàng Đăng	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
467	B2013002	Đặng Hoàng Duy	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
468	B2013016	Ngô Minh Khôi	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
469	B2013019	Đặng Trần Thanh Long	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
470	B2104423	Nguyễn Lê Đình Huy	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
471	B2104427	Hồ Minh Khôi	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
472	B2104440	Trương Minh Nhân	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
473	B2104454	Nguyễn Quốc Thạch	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
474	B2104464	Trần Thanh Vinh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
475	B2104470	Trịnh Quốc Anh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
476	B2104473	Nguyễn Văn Trọng Dĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
477	B2104477	Nguyễn Tấn Đạt	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
478	B2104513	Nguyễn Đức Thành	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
479	B2110640	Mai Minh Đạt	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
480	B2110646	Lê Minh Khang	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
481	B2110665	Phan Thảo Vy	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
482	B2110688	Võ Việt Thái	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
483	B1609142	Lê Quốc Truyền	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	
484	B1703196	Nguyễn Phạm Vũ Phương	Kỹ thuật điện, điện tử	
485	B1610266	Nguyễn Minh Tân	Kỹ thuật điện, điện tử	
486	B1703052	Nguyễn Thành Đạt	Kỹ thuật điện, điện tử	

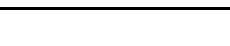
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
487	B1703214	Huỳnh Minh Tiến	Kỹ thuật điện, điện tử	
488	B1913057	Lê Thành Nhân	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
489	B2113239	Nguyễn Đức Toàn	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
490	B2113238	Phạm Minh Tiến	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
491	B2113233	Thiều Phước Sang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
492	B2113231	Nguyễn Minh Quân	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
493	B2113225	Võ Hoàng Linh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
494	B2113224	Trần Y Lel	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
495	B2113222	Võ Dương Khang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
496	B2113215	Nguyễn Thanh Dị	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
497	B2113214	Phạm Thị Chơn	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
498	B2106654	Phạm Tấn Vàng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
499	B2106648	Lưu Thiện Tính	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
500	B2106646	Nguyễn Văn Thịnh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
501	B2106641	Dương Hoài Thanh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
502	B2106632	Dương Minh Nhựt	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
503	B2106616	Đặng Nhật Hào	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
504	B2106614	Mai Phú Gia	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
505	B2106610	Nguyễn Trọng Ân	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
506	B2106609	Ngô Bảo Anh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
507	B2113211	Thạch Đức Trọng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
508	B2113208	Phạm Quỳnh Trang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
509	B2113206	Trần Thuận Tiến	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
510	B2113196	Trần Trí Nhân	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
511	B2113193	Nguyễn Tuấn Lộc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
512	B2113188	Nguyễn Quý Hưng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
513	B2113185	Nguyễn Tiến Đạt	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
514	B2113180	Nguyễn Đặng Tiến Bảo	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
515	B2106605	Nguyễn Minh Trí	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	

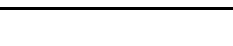
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
516	B2106601	Lê Bùi Trí Toàn	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
517	B2106598	Lê Phước Thịnh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
518	B2106585	Lưu Thành Phát	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
519	B2000189	Nguyễn Hữu Nhon	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
520	B2016728	Nguyễn Anh Quận	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
521	B2016721	Hồ Thanh Nhã	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
522	B2016782	Võ Trọng Nghĩa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
523	B2106615	Đào Hồng Hà	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
524	B2106625	Trần Tuấn Kiệt	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
525	B2106635	Nguyễn Thành Phúc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
526	B2113191	Bùi Thanh Lập	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
527	B2113204	Trà Quốc Thanh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
528	B2113213	Võ Huy Bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
529	B2113217	Mai Tiến Dũng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
530	B2113244	Lê Phan Anh Tuấn	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
531	B1812062	Lê Văn Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
532	B1912939	Nguyễn Gia Khôi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
533	B2007031	Trần Ngọc Liêm	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
534	B2016773	Nguyễn Việt Khoa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
535	B2016801	Phan Lê Minh Thư	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
536	B2106567	Nguyễn Trường Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
537	B2106572	Tô Thúy Huỳnh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
538	B2106583	Quang Trọng Nhân	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
539	B2106597	Hà Phước Thiên	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
540	B2106608	Võ Huy Vũ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
541	B2106629	Trần Trọng Nghĩa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
542	B2106634	Lê Hữu Phúc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
543	B2106637	Nguyễn Đức Quy	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
544	B2106647	Thái Hoàng Anh Thư	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	

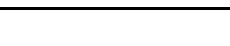
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
545	B2107210	Lê Minh Nghĩa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
546	B2113187	Lê Thanh Huy	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
547	B2113190	Huỳnh Tấn Khải	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
548	B2113195	Trần Thái Nguyên	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
549	B2113200	Nguyễn Lương Minh Sang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
550	B2113207	Trần Ngọc Toàn	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
551	B2113219	Hà Trung Hiếu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
552	B2113223	Bành Nguyễn Đăng Khoa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
553	B2113226	Lê Thị Thùy Mơ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
554	B2113241	Nguyễn Minh Triết	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
555	B2113243	Lê Văn Trọng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
556	B2106729	Trương Tấn Đạt	Kỹ thuật máy tính	
557	B2106723	Phan Thái Châu	Kỹ thuật máy tính	
558	B2106681	Lưu Anh Kiệt	Kỹ thuật máy tính	
559	B2016873	Thạch Đỗ Minh Trí	Kỹ thuật máy tính	
560	B2016872	Hà Lam Triều	Kỹ thuật máy tính	
561	B2016822	Nguyễn Khánh Duy	Kỹ thuật máy tính	
562	B2016817	Nguyễn Nhật Anh	Kỹ thuật máy tính	
563	B2007089	Phan Nguyễn Phúc	Kỹ thuật máy tính	
564	B2007059	Dương Thúy Duy	Kỹ thuật máy tính	
565	B2007056	Võ Hoàng Ân	Kỹ thuật máy tính	
566	B2016936	Phạm Cát Toàn	Kỹ thuật máy tính	
567	B2016908	Trương Minh Luân	Kỹ thuật máy tính	
568	B2016904	Nguyễn Tuấn Kiệt	Kỹ thuật máy tính	
569	B2016896	Nguyễn Thanh Hậu	Kỹ thuật máy tính	
570	B2007165	Phạm Thành Vinh	Kỹ thuật máy tính	
571	B1913210	Huỳnh Phú Vinh	Kỹ thuật máy tính	
572	B1913199	Phạm Công Thành	Kỹ thuật máy tính	
573	B1913159	Dương Quốc Bảo	Kỹ thuật máy tính	

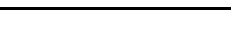
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
574	B2007064	Bùi Thái Dương	Kỹ thuật máy tính	
575	B2007136	Cao Minh Trí Kiệt	Kỹ thuật máy tính	
576	B2016858	Chau Đa Ra	Kỹ thuật máy tính	
577	B2106661	Phạm Thành Công	Kỹ thuật máy tính	
578	B1709387	Nguyễn Quốc Bảo	Kỹ thuật máy tính	
579	B2016831	Huỳnh Thanh Hậu	Kỹ thuật máy tính	
580	B2016845	Phạm Thị Thanh Lý	Kỹ thuật máy tính	
581	B2016861	Võ Thanh Thanh	Kỹ thuật máy tính	
582	B2016862	Hoàng Hữu Thành	Kỹ thuật máy tính	
583	B2016893	Lê Hữu Quang Đông	Kỹ thuật máy tính	
584	B2016941	Tiền Thanh Tuấn	Kỹ thuật máy tính	
585	B2104026	Nguyễn Thanh Hiền	Kỹ thuật máy tính	
586	B2106686	Huỳnh Trí Năng	Kỹ thuật máy tính	
587	B2106687	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	Kỹ thuật máy tính	
588	B2106701	Lương Cao Tài	Kỹ thuật máy tính	
589	B2106713	Nguyễn Minh Trí	Kỹ thuật máy tính	
590	B2106716	Phạm Trung Vĩ	Kỹ thuật máy tính	
591	B2106731	Trần Hoàng Giang	Kỹ thuật máy tính	
592	B2106747	Phạm Hữu Lợi	Kỹ thuật máy tính	
593	B2106761	Nguyễn Ngô Quốc	Kỹ thuật máy tính	
594	B2106767	Bùi Vĩnh Thái	Kỹ thuật máy tính	
595	B2106772	Lê Thị Diễm Tiên	Kỹ thuật máy tính	
596	B2113250	Văn Hoàng Đức	Kỹ thuật máy tính	
597	B2113251	Lâm Nguyễn Huy Hoàng	Kỹ thuật máy tính	
598	B2113253	Nguyễn Công Khánh	Kỹ thuật máy tính	
599	B2113257	Nguyễn Phước Lợi	Kỹ thuật máy tính	
600	B2113261	Đặng Hoàng Minh Nhựt	Kỹ thuật máy tính	
601	B2113263	Nguyễn Huỳnh Ngọc Phúc	Kỹ thuật máy tính	
602	B2113264	Son Ngọc Quý	Kỹ thuật máy tính	

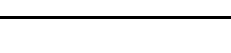
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
603	B2113269	Nguyễn Phước Thi	Kỹ thuật máy tính	
604	B2113272	Hà Thị Mai Trâm	Kỹ thuật máy tính	
605	B2113273	Mai Tiến Trung	Kỹ thuật máy tính	
606	B2113291	Lê Trọng Phúc	Kỹ thuật máy tính	
607	B2113292	Phạm Hoàng Phúc	Kỹ thuật máy tính	
608	B2113294	Nguyễn Bùi Nhật Tâm	Kỹ thuật máy tính	
609	B2113297	Thạch Minh Thắng	Kỹ thuật máy tính	
610	B2110446	Vương Minh Kiệt	Kỹ thuật vật liệu	
611	B2110427	Huỳnh Thị Thúy An	Kỹ thuật vật liệu	
612	B2107134	Lê Ngọc Kim Anh	Kỹ thuật vật liệu	
613	B2104271	Đặng Minh Tường	Kỹ thuật vật liệu	
614	B2104243	Huỳnh Quốc Nghị	Kỹ thuật vật liệu	
615	B2104207	Lê Thị Vân Anh	Kỹ thuật vật liệu	
616	B1806654	Nguyễn Chí Tâm	Kỹ thuật vật liệu	
617	B1806643	Bùi Quang Minh	Kỹ thuật vật liệu	
618	B2012677	Nguyễn Lê Trung Hiếu	Kỹ thuật vật liệu	
619	B2004290	Nguyễn Hữu Nhân	Kỹ thuật vật liệu	
620	B2004288	Lê Minh Luân	Kỹ thuật vật liệu	
621	B2012671	Nguyễn Văn An	Kỹ thuật vật liệu	
622	B2012682	Nguyễn Minh Luân	Kỹ thuật vật liệu	
623	B2104219	Mã Thị Gia Hân	Kỹ thuật vật liệu	
624	B2104228	Lê Hoàng Khải	Kỹ thuật vật liệu	
625	B2104245	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Kỹ thuật vật liệu	
626	B2104272	Lê Văn Việt	Kỹ thuật vật liệu	
627	B2107138	Lê Minh Quý	Kỹ thuật vật liệu	
628	B2110437	Dương Gia Huy	Kỹ thuật vật liệu	
629	B2110453	Tiêu Tấn Phát	Kỹ thuật vật liệu	
630	B2110456	Nguyễn Thị Y Phụng	Kỹ thuật vật liệu	
631	B2110461	Phạm Đình Đức Thiên	Kỹ thuật vật liệu	

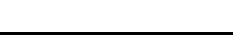
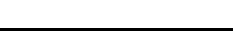
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
632	B2110462	Trần Gia Thịnh	Kỹ thuật vật liệu	
633	B2110465	Lê Quốc Toàn	Kỹ thuật vật liệu	
634	B2013337	Huỳnh Thanh Vinh	Kỹ thuật xây dựng	
635	B2013323	Trần Hồng Trang	Kỹ thuật xây dựng	
636	B2013309	Phạm Quốc Thanh	Kỹ thuật xây dựng	
637	B2013295	Lê Văn Phong	Kỹ thuật xây dựng	
638	B2013275	Phan Đình Nghị	Kỹ thuật xây dựng	
639	B2013246	Trần Đoan Khang	Kỹ thuật xây dựng	
640	B2013214	Nguyễn Thành Đạt	Kỹ thuật xây dựng	
641	B1908054	Trần Bình An	Kỹ thuật xây dựng	
642	B1908052	Lê Phước An	Kỹ thuật xây dựng	
643	B1907948	Phan Hữu Nghiệp	Kỹ thuật xây dựng	
644	B1907878	Trần Na Gil	Kỹ thuật xây dựng	
645	B1908200	Trần Phú Quý	Kỹ thuật xây dựng	
646	B2110804	Lê Bảo Việt	Kỹ thuật xây dựng	
647	B2110800	Nguyễn Chí Toàn	Kỹ thuật xây dựng	
648	B2110798	Danh Thành Tính	Kỹ thuật xây dựng	
649	B2110795	Huỳnh Bá Thuận	Kỹ thuật xây dựng	
650	B2110792	Nguyễn Chí Tân	Kỹ thuật xây dựng	
651	B2110790	Lê Văn Quý	Kỹ thuật xây dựng	
652	B2110789	Trần Đình Quân	Kỹ thuật xây dựng	
653	B2110778	Nguyễn Thành Luân	Kỹ thuật xây dựng	
654	B2110774	Nguyễn Anh Khoa	Kỹ thuật xây dựng	
655	B2110772	Dương Hoàng Khang	Kỹ thuật xây dựng	
656	B2110770	Nguyễn Quốc Huy	Kỹ thuật xây dựng	
657	B2110766	Tạ Thái Ngọc Hân	Kỹ thuật xây dựng	
658	B2110765	Trần Quốc Hải	Kỹ thuật xây dựng	
659	B2110762	Nguyễn Trương Tấn Đạt	Kỹ thuật xây dựng	
660	B2110761	Nguyễn Tấn Đạt	Kỹ thuật xây dựng	

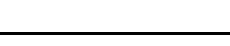
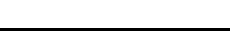
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
661	B2110758	Lương Quốc Duy	Kỹ thuật xây dựng	
662	B2110757	Hà Ngọc Dinh	Kỹ thuật xây dựng	
663	B2104680	Trần Quốc Vệ	Kỹ thuật xây dựng	
664	B2104671	Nguyễn Minh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	
665	B2104670	Bùi Văn Thông	Kỹ thuật xây dựng	
666	B2104666	Bùi Lê Duy Thái	Kỹ thuật xây dựng	
667	B2104665	Huỳnh Hữu Thanh	Kỹ thuật xây dựng	
668	B2104661	Ngô Hoài Sang	Kỹ thuật xây dựng	
669	B2104659	Đỗ Thành Quốc	Kỹ thuật xây dựng	
670	B2104652	Phan Thanh Phát	Kỹ thuật xây dựng	
671	B2104633	Nguyễn Hoàng Khôi	Kỹ thuật xây dựng	
672	B2104621	Trần Khánh Đăng	Kỹ thuật xây dựng	
673	B2104618	Trần Minh Phương Đại	Kỹ thuật xây dựng	
674	B2104615	Nguyễn Quốc Duy	Kỹ thuật xây dựng	
675	B2104608	Huỳnh Trần Hoàng Ân	Kỹ thuật xây dựng	
676	B2110747	Nguyễn Thành Trung	Kỹ thuật xây dựng	
677	B2110746	Trần Minh Trí	Kỹ thuật xây dựng	
678	B2110735	Nguyễn Văn Quý	Kỹ thuật xây dựng	
679	B2110726	Lê Hoàng Minh	Kỹ thuật xây dựng	
680	B2110724	Trần Tiến Mạnh	Kỹ thuật xây dựng	
681	B2110722	Trương Thị Loan	Kỹ thuật xây dựng	
682	B2110716	Trần Trung Hưng	Kỹ thuật xây dựng	
683	B2110714	Bạch Huỳnh Anh Huy	Kỹ thuật xây dựng	
684	B2110711	Nguyễn Trọng Hiếu	Kỹ thuật xây dựng	
685	B2110703	Phan Minh Duy	Kỹ thuật xây dựng	
686	B2110698	Trần Thế Anh	Kỹ thuật xây dựng	
687	B2104603	Trần Tường Vi	Kỹ thuật xây dựng	
688	B2104597	Huỳnh Thanh Toàn	Kỹ thuật xây dựng	
689	B2104596	Trần Trung Tín	Kỹ thuật xây dựng	

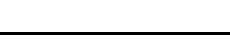
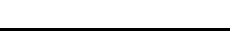
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
690	B2104593	Lê Phú Thuận	Kỹ thuật xây dựng	
691	B2104591	Phan Kim Thiệt	Kỹ thuật xây dựng	
692	B2104584	Nguyễn Phước Sang	Kỹ thuật xây dựng	
693	B2104582	Phạm Thị Phương Quyên	Kỹ thuật xây dựng	
694	B2104580	Đào Quốc Qui	Kỹ thuật xây dựng	
695	B2104568	Trần Thị Kim Nghi	Kỹ thuật xây dựng	
696	B2104566	Võ Đại Ngân	Kỹ thuật xây dựng	
697	B2104563	Nguyễn Thị Diễm Mi	Kỹ thuật xây dựng	
698	B2104558	Nguyễn Khoa Lam	Kỹ thuật xây dựng	
699	B2104551	Bùi Thành Hưng	Kỹ thuật xây dựng	
700	B2104548	Nguyễn Lê Trung Hiếu	Kỹ thuật xây dựng	
701	B2104546	Nguyễn Văn Hà	Kỹ thuật xây dựng	
702	B2104545	Phan Ngọc Hương Giang	Kỹ thuật xây dựng	
703	B2104543	Nguyễn Hải Đăng	Kỹ thuật xây dựng	
704	B2104541	Trần Ngọc Đại	Kỹ thuật xây dựng	
705	B2013083	Nguyễn Tấn Hiền	Kỹ thuật xây dựng	
706	B2004584	Nguyễn Thị Hồng Loan	Kỹ thuật xây dựng	
707	B2000117	Trần Ngọc Xuân Trang	Kỹ thuật xây dựng	
708	B2013156	Phạm Hải Sơn	Kỹ thuật xây dựng	
709	B2013116	Nguyễn Đại Lộc	Kỹ thuật xây dựng	
710	B2013104	Lương Thanh Khiêm	Kỹ thuật xây dựng	
711	B2013095	Hà Nguyễn Khang	Kỹ thuật xây dựng	
712	B2013099	Lê Thành Khách	Kỹ thuật xây dựng	
713	B2013084	Ngô Thanh Hoài	Kỹ thuật xây dựng	
714	B2004654	Lý Bình Quân	Kỹ thuật xây dựng	
715	B1807041	Lê Hữu Bằng	Kỹ thuật xây dựng	
716	B1908114	Tăng Hoàng Huy	Kỹ thuật xây dựng	
717	B2004646	Nguyễn Thành Nhân	Kỹ thuật xây dựng	
718	B2013150	Lưu Thành Phúc	Kỹ thuật xây dựng	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
719	B2013178	Nguyễn Đức Trọng	Kỹ thuật xây dựng	
720	B2110752	Nguyễn Tuấn Anh	Kỹ thuật xây dựng	
721	B2110797	Nguyễn Hoàng Tiến	Kỹ thuật xây dựng	
722	B1807163	Nguyễn Xuân Quang	Kỹ thuật xây dựng	
723	B1907891	Võ Ngọc Hiền	Kỹ thuật xây dựng	
724	B1907906	Trần Duy Khang	Kỹ thuật xây dựng	
725	B1907955	Nguyễn Chí Nguyên	Kỹ thuật xây dựng	
726	B1908183	Bùi Thanh Phát	Kỹ thuật xây dựng	
727	B1908211	Đỗ Văn Tâm	Kỹ thuật xây dựng	
728	B2000115	Nguyễn Minh Công	Kỹ thuật xây dựng	
729	B2004573	Dương Nhật Kha	Kỹ thuật xây dựng	
730	B2004620	Lam Bửu Đăng	Kỹ thuật xây dựng	
731	B2013169	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ thuật xây dựng	
732	B2100096	Nguyễn Hoàng Hôn	Kỹ thuật xây dựng	
733	B2104531	Thạch Hoàng Bách	Kỹ thuật xây dựng	
734	B2104533	Nguyễn Thái Bảo	Kỹ thuật xây dựng	
735	B2104537	Lê Tường Duy	Kỹ thuật xây dựng	
736	B2104539	Khuru Huỳnh Quang Dũng	Kỹ thuật xây dựng	
737	B2104550	Nguyễn Thanh Huy	Kỹ thuật xây dựng	
738	B2104553	Lê Tuấn Khải	Kỹ thuật xây dựng	
739	B2104556	Võ Minh Khởi	Kỹ thuật xây dựng	
740	B2104557	Phan Nhật Kiên	Kỹ thuật xây dựng	
741	B2104560	Lê Hữu Phú Lộc	Kỹ thuật xây dựng	
742	B2104570	Đặng Khôi Nguyên	Kỹ thuật xây dựng	
743	B2104574	Huỳnh Đăng Phát	Kỹ thuật xây dựng	
744	B2104585	Võ Nguyễn Nhật Sinh	Kỹ thuật xây dựng	
745	B2104587	Trần Việt Tân	Kỹ thuật xây dựng	
746	B2104613	Lâm Trang Cương	Kỹ thuật xây dựng	
747	B2104620	Võ Thành Đạt	Kỹ thuật xây dựng	

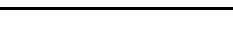
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
748	B2104624	Nguyễn Anh Hào	Kỹ thuật xây dựng	
749	B2104626	Nguyễn Minh Hiền	Kỹ thuật xây dựng	
750	B2104632	Lê Đăng Khoa	Kỹ thuật xây dựng	
751	B2104649	Nguyễn Trọng Nhân	Kỹ thuật xây dựng	
752	B2104650	Phạm Thành Nhân	Kỹ thuật xây dựng	
753	B2104656	Huỳnh Hữu Phước	Kỹ thuật xây dựng	
754	B2110695	Huỳnh Lê Thanh An	Kỹ thuật xây dựng	
755	B2110701	Phan Công Danh	Kỹ thuật xây dựng	
756	B2110702	Đoàn Khánh Duy	Kỹ thuật xây dựng	
757	B2110705	Cao Duy Đạt	Kỹ thuật xây dựng	
758	B2110725	Nguyễn Quốc Min	Kỹ thuật xây dựng	
759	B2110729	Thái Trung Nguyên	Kỹ thuật xây dựng	
760	B2110730	Giang Chí Nhân	Kỹ thuật xây dựng	
761	B2110732	Đào Hoàng Phú	Kỹ thuật xây dựng	
762	B2110734	Nguyễn Huỳnh Ngọc Quyên	Kỹ thuật xây dựng	
763	B2110736	Đinh Văn Tài	Kỹ thuật xây dựng	
764	B2110744	Nguyễn Thanh Toàn	Kỹ thuật xây dựng	
765	B2110745	Trần Hồng Tơ	Kỹ thuật xây dựng	
766	B2110748	Hồ Văn Tươi	Kỹ thuật xây dựng	
767	B2110753	Phạm Quốc Anh	Kỹ thuật xây dựng	
768	B2110754	Trần Đức Anh	Kỹ thuật xây dựng	
769	B2110777	Nguyễn Chí Linh	Kỹ thuật xây dựng	
770	B2110781	Dương Gia Minh	Kỹ thuật xây dựng	
771	B2110782	Trần Ngọc Minh	Kỹ thuật xây dựng	
772	B2110785	Trần Văn Nhàn	Kỹ thuật xây dựng	
773	B2110791	Nguyễn Xuân Sang	Kỹ thuật xây dựng	
774	B2110802	Nguyễn Quốc Trung	Kỹ thuật xây dựng	
775	C2200152	Lê Vĩ Khang	Kỹ thuật xây dựng	

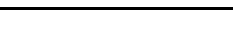
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
776	B2013415	Nguyễn Thành Phong	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
777	B2013378	Lê Cao Đạt	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
778	B2011384	Lý Thái Bảo	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
779	B1910058	Lưu Việt Đức	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
780	B2004691	Cao Hữu Gia Khang	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
781	B2013404	Nguyễn Hữu Nghị	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
782	B2013421	Trần Phú Quý	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
783	B2004694	Nguyễn Phước Lành	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
784	B2013399	Phạm Văn Nam	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
785	B2013407	Phan Trọng Nguyễn	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
786	B2013410	Nguyễn Nhật	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
787	B2104708	Lâm Khôi Nguyên	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
788	B2110820	Nguyễn Phạm Ánh Dương	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
789	B2110843	Trần Thị Ngọc Lan	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
790	B2110847	Nguyễn Các Quế Minh	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
791	B2110879	Quách Tú Trinh	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
792	B2004202	Trung Thanh Toàn	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
793	B2110336	Trần Hoàng Nam	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
794	B2110329	Huỳnh Hoàng Huy	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
795	B2110326	Nguyễn Tấn Đạt	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
796	B2110321	Nguyễn Đức Bảo	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
797	B2104072	Mạch Thanh Thương	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	

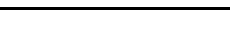
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
798	B2104049	Trần Nhật Nguyễn Nguyễn	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
799	B2104047	Dương Minh Nguyên	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
800	B2012576	Võ Thanh Tính	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
801	B2004173	Võ Thành Đồng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
802	B2104043	Tiền Ngọc Tuyết Minh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
803	B2104062	Lê Thành Tài	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
804	B2110341	Nguyễn Trường Phát	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
805	B2004197	Huỳnh Chí Thành	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
806	B2004203	Đặng Xuân Toại	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
807	B2004205	Đinh Xuân Trường	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
808	B2104003	Trần Khắc Bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
809	B2104004	Trần Thanh Bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
810	B2104005	Tô Thành Công	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
811	B2104006	Bùi Khánh Duy	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
812	B2104021	Hồ Đại Hải	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
813	B2104022	Trương Lý Hải	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
814	B2104025	Nguyễn Văn Hiệp	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
815	B2104028	Lê Văn Hội	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
816	B2104032	Trần Đức Khanh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
817	B2104036	Ngô Tuấn Kiệt	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
818	B2104038	Nguyễn Lê Ngọc Lâm	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
819	B2104042	Dương Quốc Luân	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	

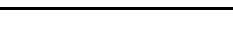
STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
820	B2104044	Phan Kim Ngân	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
821	B2104045	Võ Hoàng Thảo Ngân	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
822	B2104051	Dương Hồng Nhuận	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
823	B2104055	Đào Long Phi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
824	B2104056	Nguyễn Thiên Phúc	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
825	B2104057	Nguyễn Trọng Phúc	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
826	B2104063	Trần Minh Tâm	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
827	B2104067	Nguyễn Tấn Thành	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
828	B2104068	Đào Quốc Thắng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
829	B2104074	Nguyễn Nhật Tiến	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
830	B2104076	Nguyễn Phước Tính	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
831	B2104078	Ngô Ngọc Trầm	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
832	B2104081	Phan Phước Quốc Trung	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
833	B2104089	Phan Bùi Quốc Vinh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
834	B2107127	Lê Thanh Hậu	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
835	B2107129	Nguyễn Văn Thái	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
836	B2110319	Thái Trường An	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
837	B2110322	Thái Quốc Bảo	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
838	B2110324	Nguyễn Khánh Duy	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
839	B2110325	Trương Hồng Đại	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
840	B2110327	Bạch Trường Giang	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
841	B2110331	Dương Thị Quế Hương	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
842	B2110335	Nguyễn Ngọc Minh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
843	B2110342	Phạm Minh Phúc	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
844	B2110350	Trần Chí Văn	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
845	B2104743	Nguyễn Thanh Nhân	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
846	B2110914	Huỳnh Hoàng Nhứt	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
847	B2110910	Huỳnh Thị Diễm My	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
848	B2110903	Nguyễn Việt Băng Khanh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
849	B2110902	Huỳnh Quốc Khanh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
850	B2110900	Trương Thanh Huy	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
851	B2110893	Phạm Huỳnh Hữu Duy	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
852	B2107149	Nguyễn Văn Triển	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
853	B2104757	Nguyễn Văn Vi	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
854	B1908311	Nguyễn Khoa Duy	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
855	B1807535	Nguyễn Hồ Vinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
856	B2013444	Trần Dương Thoại An	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
857	B2104725	Nguyễn Đức Anh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
858	B2104735	Hồ Quỳnh Hương	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
859	B2104739	Lê Tấn Lợi	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
860	B2104740	Nguyễn Tấn Lợi	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
861	B2104744	Châu Khánh Như	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
862	B2104745	Trần Tuyết Như	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
863	B2110892	Lê Nguyễn Phương Duy	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
864	B2110894	Nguyễn Thành Đạt	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
865	B2110895	Nguyễn Văn Đệ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
866	B2110897	Hồ Ngọc Hân	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
867	B2110901	Trần Quốc Khang	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
868	B2110909	Lê Kim Quang Minh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
869	B2110913	Hồ Trung Nhân	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
870	B2110915	Nguyễn Kiều Oanh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
871	B2110917	Dương Phước Sang	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
872	B2110918	Nguyễn Đức Tài	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
873	B2110921	Nguyễn Trung Tấn	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
874	B2110923	Đoàn Trương Nhật Thi	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
875	B2110925	Lê Huỳnh Trí Thức	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
876	B2203898	Lý Đăng Khoa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
877	B2203921	Phạm Thị Thúy Trinh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
878	B2203935	Nguyễn Chánh Hào	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
879	B2203939	Trương Quốc Huy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
880	B2203947	Huỳnh Bảo Ngọc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
881	B2203950	Đoàn Thị Yên Nhi	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
882	B2203962	Trương Anh Thư	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
883	B2011604	Huỳnh Thị Quế Anh	Quản lý công nghiệp	
884	B2109830	Nguyễn Thị Tường Vi	Quản lý công nghiệp	
885	B2109829	Huỳnh Trí Tường	Quản lý công nghiệp	
886	B2109827	Trần Thị Bảo Trân	Quản lý công nghiệp	
887	B2109824	Bùi Thị Diễm Tiên	Quản lý công nghiệp	
888	B2109823	Lê Hoàng Thụ	Quản lý công nghiệp	
889	B2109819	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Quản lý công nghiệp	
890	B2109818	Nguyễn Nhựt Quang	Quản lý công nghiệp	
891	B2109817	Trần Quang Phúc	Quản lý công nghiệp	
892	B2109815	Nguyễn Thị Yên Nhi	Quản lý công nghiệp	
893	B2109814	Phan Trung Nhật	Quản lý công nghiệp	
894	B2109813	Lâm Thị Yên Ngọc	Quản lý công nghiệp	
895	B2109811	Nguyễn Kim Ngân	Quản lý công nghiệp	
896	B2109809	Dương Thị Ngọc Ngân	Quản lý công nghiệp	
897	B2109808	Nguyễn Ngọc Tố My	Quản lý công nghiệp	
898	B2109806	Trần Đông Khoa	Quản lý công nghiệp	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
899	B2109802	Lâm Ngọc Hân	Quản lý công nghiệp	
900	B2109801	Nguyễn Văn Đạt	Quản lý công nghiệp	
901	B2109800	Nguyễn Thúy Diễm	Quản lý công nghiệp	
902	B2109798	Lê Thị Cẩm Bình	Quản lý công nghiệp	
903	B2109797	Võ Lê Vân Anh	Quản lý công nghiệp	
904	B2109796	Tạ Thúy An	Quản lý công nghiệp	
905	B2107110	Nguyễn Thị Mai Thảo	Quản lý công nghiệp	
906	B2103214	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	Quản lý công nghiệp	
907	B2103212	Lý Thị Bảo Trân	Quản lý công nghiệp	
908	B2103209	Bùi Thị Anh Thư	Quản lý công nghiệp	
909	B2103207	Phan Thị Diễm Thúy	Quản lý công nghiệp	
910	B2103202	Lâm Hoàng Quyên	Quản lý công nghiệp	
911	B2103193	Nguyễn Phương Mỹ	Quản lý công nghiệp	
912	B2103187	Trần Xuân Hạ	Quản lý công nghiệp	
913	B2103185	Lâm Quốc Đạt	Quản lý công nghiệp	
914	B2103180	Huỳnh Thị Thúy Anh	Quản lý công nghiệp	
915	B2109795	Võ Thị Như Ý	Quản lý công nghiệp	
916	B2109794	Lê Huỳnh Thúy Vy	Quản lý công nghiệp	
917	B2109792	Lê Thị Cẩm Tươi	Quản lý công nghiệp	
918	B2109790	Lê Thị Huyền Trân	Quản lý công nghiệp	
919	B2109789	Quách Thùy Trang	Quản lý công nghiệp	
920	B2109787	Nguyễn Thị Anh Thư	Quản lý công nghiệp	
921	B2109785	Mai Thị Mỹ Thuận	Quản lý công nghiệp	
922	B2109783	Trần Thị Mỹ Quyên	Quản lý công nghiệp	
923	B2109777	Đỗ Văn Nhẫn	Quản lý công nghiệp	
924	B2109775	Nguyễn Kim Ngân	Quản lý công nghiệp	
925	B2109773	Đỗ Mai Thủy Ngân	Quản lý công nghiệp	
926	B2109769	Thái Duy Khánh	Quản lý công nghiệp	
927	B2109767	Trần Ngọc Hân	Quản lý công nghiệp	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
928	B2109766	Nguyễn Đăng Ngọc Hân	Quản lý công nghiệp	
929	B2109765	Nguyễn Võ Ngọc Diệp	Quản lý công nghiệp	
930	B2109762	Trần Văn Bửu	Quản lý công nghiệp	
931	B2109761	Phạm Nhơn Ái	Quản lý công nghiệp	
932	B2109760	Ngô Huyền Anh	Quản lý công nghiệp	
933	B2107109	Trần Nguyễn Anh Thư	Quản lý công nghiệp	
934	B2107108	Huỳnh Đăng Khoa	Quản lý công nghiệp	
935	B2103172	Nguyễn Thị Anh Thư	Quản lý công nghiệp	
936	B2103171	Võ Nguyễn Thanh Thủy	Quản lý công nghiệp	
937	B2103170	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Quản lý công nghiệp	
938	B2103167	Lại Thị Anh Thi	Quản lý công nghiệp	
939	B2103165	Mai Thị Như Quỳnh	Quản lý công nghiệp	
940	B2103160	Trương Phụng Nhi	Quản lý công nghiệp	
941	B2103158	Nguyễn Huỳnh Vân Nhi	Quản lý công nghiệp	
942	B2103156	Đặng Phương Nam	Quản lý công nghiệp	
943	B2103154	Nguyễn Thái Nguyệt Minh	Quản lý công nghiệp	
944	B2103150	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Quản lý công nghiệp	
945	B2103147	Nguyễn Thị Bích Đào	Quản lý công nghiệp	
946	B2103146	Trương Ngô Mỹ Dung	Quản lý công nghiệp	
947	B2113030	Đặng Nhất Phi	Quản lý công nghiệp	
948	B2011668	Quách Khả Băng Tâm	Quản lý công nghiệp	
949	B2011785	Phạm Như Ý	Quản lý công nghiệp	
950	B2011757	Nguyễn Triệu Diệu Quyên	Quản lý công nghiệp	
951	B2011740	Phạm Thị Bích Ngọc	Quản lý công nghiệp	
952	B2003557	Bùi Thị Ngọc Hân	Quản lý công nghiệp	
953	B1905775	Nguyễn Trường Lâm	Quản lý công nghiệp	
954	B1906005	Hồ Thị Mỹ Tiên	Quản lý công nghiệp	
955	B1906025	Hoàng Lê Khả Vy	Quản lý công nghiệp	
956	B2011651	Trần Thị Thủy Nguyên	Quản lý công nghiệp	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
957	B2011675	Nguyễn Kim Thư	Quản lý công nghiệp	
958	B2011725	Nguyễn Thị Như Huỳnh	Quản lý công nghiệp	
959	B2011769	Nguyễn Quốc Toàn	Quản lý công nghiệp	
960	B2011778	Huỳnh Thị Tú Vi	Quản lý công nghiệp	
961	B2103152	Nguyễn Đăng Khoa	Quản lý công nghiệp	
962	B2109772	Hồ Thị Hoàng Mỹ	Quản lý công nghiệp	
963	B1905751	Lê Hải Đăng	Quản lý công nghiệp	
964	B2011619	Quách Thị Xuân Đào	Quản lý công nghiệp	
965	B2011622	Nguyễn Thành Đông	Quản lý công nghiệp	
966	B2011647	Lê Hoàng Mỹ Ngọc	Quản lý công nghiệp	
967	B2103145	Nguyễn Lâm Cương	Quản lý công nghiệp	
968	B2103153	Nguyễn Thị Kim Loan	Quản lý công nghiệp	
969	B2103161	Nguyễn Thị Kiều Nương	Quản lý công nghiệp	
970	B2103179	Đỗ Kim Yên	Quản lý công nghiệp	
971	B2103188	Trần Thị Thanh Huyền	Quản lý công nghiệp	
972	B2103197	Trịnh Thị Tuyết Nhi	Quản lý công nghiệp	
973	B2103201	Quách Thị Mai Phương	Quản lý công nghiệp	
974	B2103206	Lưu Cẩm Thu	Quản lý công nghiệp	
975	B2109768	Liêu Kim Hía	Quản lý công nghiệp	
976	B2109770	Lê Chúc Khương	Quản lý công nghiệp	
977	B2109774	Nguyễn Bảo Ngân	Quản lý công nghiệp	
978	B2109780	Trịnh Minh Phú	Quản lý công nghiệp	
979	B2109782	Hồ Văn Quý	Quản lý công nghiệp	
980	B2109788	Phạm Mỹ Tiên	Quản lý công nghiệp	
981	B2109791	Trần Thanh Trúc	Quản lý công nghiệp	
982	B2109805	Nguyễn Diễm Huỳnh	Quản lý công nghiệp	
983	B2109810	Mai Thị Hồng Ngân	Quản lý công nghiệp	
984	B2109812	Trương Hồng Ngân	Quản lý công nghiệp	
985	B2109816	Kim Thị Bé Như	Quản lý công nghiệp	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀNH	MÃ VẠCH
986	B2109820	Ngô Thị Xuân Quỳnh	Quản lý công nghiệp	